TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Tiến.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Em.

2/ Ông Lê Quốc Chiến.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Mỹ Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HN&GĐ ngày 02 tháng 1 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Mỹ C, sinh năm: 1975 (có mặt).

Nơi ĐKTT: Ấp A, xã V5, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Đường A phường B, Thành phố B, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V5, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ C trình bày: Bà và ông Trần Thanh L tự nguyện sống

chung với nhau như vợ chồng vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và ly thân từ năm 2013. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh L.

Về con chung: Có 02 chung tên Trần Huy T, sinh ngày 19/7/2002 hiện đang sống với ông L, và Trần Thị Tường V, sinh ngày 25/11/2010 hiện đang sống với bà Tô Thị Mỹ C. Khi ly hôn bà Mỹ C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tường V và không yêu cầu cấp dưỡng, còn ông Trần Thanh L được quyền nuôi cháu Trần Huy T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn là ông Trần Thanh L trình bày tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2018: Tôi và bà Tô Thị Mỹ C tự nguyện thành hôn năm 2001 có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và ly thân từ năm 2013, nay ông đồng ý ly hôn với bà Mỹ C.

Về con chung: Có 02 chung tên Trần Huy T, sinh ngày 19/7/2002 hiện đang sống với ông L và Trần Thị Tường V, sinh ngày 25/11/2010 hiện đang sống với bà Tô Thị Mỹ C. Khi ly hôn tôi đồng ý bà Mỹ C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tường V và tôi không phải cấp dưỡng, còn tôi Trần Thanh L được quyền nuôi cháu Trần Huy T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai; bản photo giấy chứng minh nhân dân; bản photo sổ hộ khẩu, giấy khai sinh bản phô tô; thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; biên lai thu tạm ứng án phí; thông báo thụ lý vụ án; biên bản lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản tống đạt; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giữa các đương sự là vợ chồng; về con chung giao cho bà Mỹ C được tiếp tục cháu Trần Thị Tường Vy, ông Trần Thanh L được tiếp tục nuôi cháu Trần Huy Tường, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Trần Thanh L mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng ông L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L và giành quyền kháng cáo cho ông theo luật định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Bà Tô Thị Mỹ C và ông Trần Thanh L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên bà Mỹ C yêu cầu ly hôn với ông L. Vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Tô Thị Mỹ C và ông Trần Thanh L: Tại phiên Tòa hôm nay cả hai cho rằng đều tự nguyện sống chung với từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Mỹ C và ông L tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2001, tại thời điểm các bên thành hôn thì cả hai đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng các đương sự lại không đăng ký kết hôn nên khi phát sinh tranh chấp không được Tòa án công nhận giữa các đương sự là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 chung tên Trần Huy T, sinh ngày 19/7/2002 hiện đang sống với ông L cháu có nguyện vọng được sống chung với ông L nên Hội đồng xét xử giao cho ông L được tiếp Trần Huy Tường và Trần Thị Tường V, sinh ngày 25/11/2010 hiện đang sống với bà Tô Thị Mỹ C cháu có nguyện vọng được sống chung với bà Mỹ C nên Hội đồng xét xử giao cho bà Mỹ C được tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Tường V và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Mỹ C phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 5, 28, 35, 147, 271, 272, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 51, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị Mỹ C và ông Trần Thanh L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cho bà Tô Thị Mỹ C được tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 25/11/2010, ông Trần Thanh L được tiếp tục nuôi cháu Trần Huy T, sinh ngày 19/7/2002, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con, giành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho bà Mỹ C và ông L không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Tô Thị Mỹ C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí mà bà Mỹ C đã nộp theo biên lai số 0015654 ngày 02/01/2018 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Đình Tiến